

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2020/HS-ST**

Ngày: 17/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Đình

Ông Ngô Quang Lục

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2020/TLST- HS ngày 05 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Dương Văn C**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 03 tháng 9 năm 1988 tại thành phố Hà Nội; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Y B, xã T L, huyện M L, thành phố H N; Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, phường N B, thành phố Đ B P, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12 phổ thông; Bố đẻ: Dương Văn H Sinh năm 1968; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị L- Sinh năm 1969; Vợ: Nguyễn Thị Hồng Th, (đã ly hôn), có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 19/6/2020 đến ngày 28/6/2020, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến ngày xét xử (*có mặt tại phiên tòa*).

2. Họ và tên: **Vì Thị C**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 29 tháng 9 năm 2000 tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Đội 5, xã Th Y, huyện Đ B, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Bố đẻ: Vì Văn L, sinh năm 1951; Mẹ đẻ: Lò Thị X - Sinh năm 1953; Chồng, con: chưa có; Tiền sự: Không. Tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 19/6/2020 đến ngày 28/6/2020, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến ngày xét xử (*có mặt tại phiên tòa*).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn H T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số nhà 63, tổ dân phố 4, phường M Th, thành phố Đ b P, tỉnh Đ (Vắng mặt có lý do);

- Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1989; Địa chỉ: Đội 11, xã T H, huyện Đ B, tỉnh Đ (Vắng mặt có lý do);

- Bà Cà Thị T T, sinh ngày 16/10/2004; Địa chỉ: Đội 18, xã T H, huyện Đ B, tỉnh Đ (Vắng mặt không có lý do).

- Bà Lò Thị Q, sinh năm 2001; Địa chỉ: Số nhà 43, tổ dân phố 23, phường H L, thành phố Đ B P, tỉnh Đ (Vắng mặt không có lý do).

- Bà Trần Thị T H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường T B, thành phố ĐBP, tỉnh Đ B (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ 20 phút, ngày 19/6/2020 tổ công tác Công an phường M Th, thành phố Đ b P, tỉnh Đ làm nhiệm vụ kiểm tra cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke Q7 ở tổ 05, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ. Tổ công tác L tầng 3 thấy Vi Thị C và Cà Thị Thanh T từ phòng 305 đi ra. Khi nhìn thấy tổ công tác C đã thả từ trong lòng bàn tay trái của mình xuống dưới nền nhà 01 gói nilon màu trắng bên trong có chứa các cục bột màu hồng, C khai nhận đó là kẹo - ma túy tổng hợp C cất giấu để sử dụng. Tiến hành kiểm tra trong phòng 305, có Dương Văn C, Nguyễn H T, Nguyễn Văn V, Lò Thị Q đang hát. Tại khe ốp cách âm bọc giả da màu đen trên tường cạnh ổ điện phía bên phải phòng, theo hướng từ ngoài đi vào, cách cửa ra vào khoảng 05 m, Tổ công tác thu giữ 01 túi nilon màu trắng, có một vạch kẻ ngang màu xanh, loại túi có mép dính, bên trong có chứa các tinh thể màu trắng đục. C khai đó là ma túy tổng hợp Katamine C cất giấu để sử dụng. Số ma túy bị Công an thu giữ là vào khoảng 00 giờ ngày 19/6/2020, C gọi điện hỏi mua của người phụ nữ tên L, sau đó nhờ V lấy xe mô tô của V chở C đi gặp L ở tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ rồi lại nhờ V chở C và L đến khách sạn Mường Thanh thuộc phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ. Đến nơi C và L xuống xe nói chuyện riêng, còn V đi thẳng xe vào trong sân khách sạn cách chỗ C và L đứng khoảng 15 m. C hỏi mua của L 04 viên kẹo - ma túy tổng hợp và 01 chỉ Ketamine, L nói giá 7.200.000 đồng. Do không mang đủ tiền nên C đi đến chỗ V vay 4.200.000 đồng, nhưng không nói cho V biết mục đích vay tiền. C đi ra chỗ L, đưa cho L nhận 01 gói nilon màu trắng bên trong có 04 viên ma túy tổng hợp kích thước không tương đồng và 01 túi nilon

bên trong chứa tinh thể ma túy, Ketamine. Mua bán xong, C và L đến chỗ V chờ bảo V chở cả hai về Tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ L xuống xe, C gọi điện thoại cho Nguyễn Hữu T, biết T đang ở quán Karaoke Q7, C bảo V chở đến đó. Khi đến nơi, V và T L phòng 305 trước, còn C ở dưới sảnh gọi điện nhờ L tìm cho 03 người con gái đến hát cùng và rót bia. Một lúc sau C, Q, T đến, rồi cùng C đi L phòng 305. Tại đây, C lấy ra 03 viên ma túy tổng hợp rồi cùng với V, T, C, Q và T sử dụng hết. Còn 01 viên trong túi nilon bị vỡ, C đưa cho C và 01 túi Ketamine C cất giấu tại khe ổp trên tường phòng hát để sử dụng thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Chiếc điện thoại C sử dụng để liên lạc với L, C đã làm rơi, Cơ quan Công an không thu giữ được.

Tại bản kết luận giám định số 580/GD-PC09 ngày 27/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Mẫu vật thu giữ của Vì Thị C gửi giám định kí hiệu M1 là ma túy loại MDMA nằm trong danh mục các C ma túy, STT: 27, Mục IB, Danh mục I, Nghị định 73/NĐ-CP ngày 15/5/2018 có khối lượng 0,21 gam MDMA, hoàn lại sau giám định 0,18 gam; Mẫu vật thu giữ của Dương Văn C gửi đi giám định kí hiệu M2 là ma túy loại Ketamine nằm trong danh mục các C ma túy, STT: 35, Danh mục III, Nghị định 73/NĐ-CP ngày 15/5/2018, có khối lượng 0,75 gam Ketamine, hoàn lại sau giám định 0,71 gam.

Tại bản Cáo trạng số: 106/CT-VKSTPĐBP ngày 04/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Dương Văn C về tội: “Tàng trữ trái phép C ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Vì Thị C về tội: “Tàng trữ trái phép C ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giữ nguyên quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Văn C từ 13 tháng 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép C ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vì Thị C từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép C ma túy”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 0,18 gam MDMA và 0,71 gam Ketamine còn lại sau giám định, 01 mảnh nilon màu trắng và 01 túi nilon màu trắng không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra các Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Các bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Dương Văn C và bị cáo Vì Thị C khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận giám định, Kết luận điều tra, các bản cung, biên bản ghi lời khai, bản tự khai, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với các Bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định: Vào hồi 02 giờ 20 phút, ngày 19/6/2020, tại quán Karaoke Q7 thuộc khu vực Tổ dân phố 05, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, Dương Văn C đã có hành vi mua 02 C ma túy cất giấu trái phép trong phòng hát 0,75 gam Ketamine và MDMA sau đó đưa cho bị cáo Vì Thị C 0,21 gam MDMA; Vì Thị C đã có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,21 gam MDMA. Các bị cáo cất giấu ma túy với mục đích để sử dụng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm Ch sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các C ma túy, vi phạm pháp luật. Hành vi nêu trên của bị cáo Dương Văn C có đủ các yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép C ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Hành vi nêu trên của bị cáo Vì Thị C có đủ các yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép C ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“ 1. Người nào tàng trữ trái phép C ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép C ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

... c) ... MDMA, ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

...

i) Có 02 C ma túy trở L mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các C đó tương đương về khối lượng hoặc thể tích C ma túy quy định tại một trong các điểm b đến điểm h khoản này”.

Bị cáo Dương Văn C và Vì Thị C là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm

hình sự. Các bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép C ma túy” theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo cùng thực hiện tội phạm, nhưng trước và trong khi phạm tội không có sự bàn bạc, phân công vai trò, trách nhiệm cụ thể cho từng người, nên không có tổ chức. C là người khởi xướng thực hiện tích cực, bỏ tiền trực tiếp đi mua ma túy và cho C ma túy cất giấu ma túy, nên có vai trò như nhau.

[2] Về tính C của vụ án: Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi cất giấu trái phép ma túy nhằm mục đích sử dụng của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các C ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác ma túy là hiểm họa của loài người, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, các bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên các bị cáo đã đi mua ma túy cất giấu để phục vụ nhu cầu bản thân sử dụng, các bị cáo đã coi thường pháp luật. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Dương Văn C không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ bị cáo Dương Văn C: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có ông nội là liệt sỹ đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước được Tổ quốc ghi công đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo Dương Văn C sinh ra và lớn L tại Thôn Yên Bài, xã Tự Lập, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, bị cáo được gia đình nuôi cho ăn học hết lớp 9/12, đến năm 2014 xây dựng gia đình với chị Nguyễn Thị Hồng Th và có 02 người con chung đến năm 2017 ly hôn với chị Th, làm nghề lái xe.

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Vì Thị C không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ Bị cáo Vì Thị C: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo Vì Thị C sinh ra và lớn L tại Đội 5, xã Th Y, huyện Đ B, tỉnh Đ, bị cáo được gia đình nuôi cho ăn học hết lớp 12/12, ở nhà làm phụ giúp gia đình đến tháng 11 năm 2017 xuống Xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc

Giang làm ăn sinh sống. Đến năm 2019 bắt đầu sử dụng ma túy đến tháng 12/2019 về sinh sống cùng gia đình tại Đội 5, xã Th Y, huyện Đ B, tỉnh Đ.

Ngoài hình phạt Ch các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, xét thấy bị cáo C nghề nghiệp không ổn định, bị cáo C không có nghề nghiệp, các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không có khả năng thi hành. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về vật chứng vụ án: Gồm có 0,18 gam MDMA và 0,71 gam Ketamine còn lại sau giám định, 01 mảnh nilon màu trắng và 01 túi nilon màu trắng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

[5] Các vấn đề khác:

Bị cáo C khai nguồn gốc số ma túy Cơ quan điều tra thu giữ do bị cáo mua của Lò Thị L, Sinh năm 2002, trú tại bản Noong Vai, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên nhưng hiện nay L không có mặt tại địa phương nên tách ra để điều tra, làm rõ xử lý sau. Do vậy HĐXX không đặt vấn đề xử lý trong vụ án.

Sau khi mua được ma túy, C đã cho Nguyễn H T, Nguyễn Văn V, Vì Thị C, Lò Thị Q, Cà Thị Thanh T sử dụng ma túy cùng. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành Ch. T, V, Q, T không biết C, C cất giấu ma túy nên không đủ cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T, V, Q, T.

Nguyễn Văn V chở C và L đến Khách sạn Mường Thanh và cho C vay tiền nhưng không biết việc C sử dụng tiền vào việc mua ma túy, do vậy HĐXX không đặt vấn đề xử lý.

Bà Trần Thị T H- là quản lý của quán Karaoke Q7 không biết việc C cất giấu ma túy trong phòng hát cũng như việc sử dụng ma túy, do vậy HĐXX không đặt vấn đề xử lý.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[7] Về án phí:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 thì bị cáo Dương Văn C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo Vì Thị C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

Điểm i Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Dương Văn C.

Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn C phạm tội: "*Tàng trữ trái phép C ma túy*". Xử phạt bị cáo: **13 (Mười ba)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (19/6/2020).

Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Bị cáo Vì Thị C.

Tuyên bố: Bị cáo Vì Thị C phạm tội: "*Tàng trữ trái phép C ma túy*". Xử phạt bị cáo: **12 (Mười hai)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (19/6/2020).

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: 0,21 gam MDMA, hoàn lại sau giám định 0,18 gam và 0,75 gam Ketamine, hoàn lại sau giám định 0,71 gam, 01 mảnh nilon màu trắng và 01 túi nilon màu trắng

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/10 /2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên).

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Dương Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Vì Thị C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/11/2020). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Nhà tạm giữ CATPĐBP;
- VKSND TP Điện Biên Phủ;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQCSĐT CATPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐB Phủ;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

Trần Thị Thương Huyền